

Số: 359 / QĐ-ĐHHHVN-CTSV

Hải Phòng, ngày 28 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm học phí kỳ 2 năm học 2021-2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-HĐT ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 về việc quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét miễn, giảm học phí kỳ 2 năm học 2021-2022 cho 114 sinh viên (có danh sách kèm theo).

TT	% Miễn giảm	Số SV đại học
1	100% học phí	88
2	70% học phí	03
3	50% học phí	23

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các phòng: TC-HC, Đào tạo, CTSV, KH-TC, Trường CD VMU, cá nhân, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, CTSV.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Minh Đức

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐH HÀNG HẢI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SV DIỆN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2021-2022

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021

(Thông tư số 36/2017/TT-BLĐTBXH)

I. Sinh viên hệ Đại học chính quy

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	Ngày sinh	MIỄN GIẢM(%)	TÊN ĐỐI TƯỢNG	GHI CHÚ
1	77690	Hoàng Xuân Đức	KTBS59ĐH	29.02.2000	100	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
2	77933	Nguyễn Thị Hiền	LQC59ĐH	25.02.2000	100	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
3	77397	Hoàng Thị Diễm	ATM59ĐH	10.08.2000	70	DT Tày, Thôn ĐBK	
4	78696	Trịnh Thị Ái Linh	BĐA59ĐH	14.07.2000	100	Con TB 21%-60%	
5	77978	Phạm Hào Hiệp	ĐKT59ĐH	12.12.2000	100	Con BB 61% trở lên	
6	78141	Nguyễn Việt Hoàng	ĐTĐ59ĐH	20.08.2000	100	Con TB 21%-60%	
7	78194	Vũ Thị Minh Huệ	KMT59ĐH	28.03.2000	100	Con BB 61% trở lên	
8	77827	Nguyễn Đức Hải	KPM59ĐH	18.11.2000	100	Con TB 21%-60%	
9	79933	Nguyễn Thị Phương Thoa	LQC59ĐH	23.10.2000	100	Con TB 21%-60%	
10	79397	Lê Trọng Phúc	MKT59ĐH	24.08.2000	100	Con TB 21%-60%	
11	78849	Phạm Xuân Hoàng Long	NNA59ĐH	13.02.2000	100	Con BB 61% trở lên	
12	80356	Lương Thị Nhị Vân	QKT59ĐH	21.12.2000	100	Con TB 61% trở lên	
13	78110	Đỗ Kim Hoàng	TĐH59ĐH	12.07.2000	100	Con TB 61% trở lên	
14	78149	Phạm Phú Hoàng	TTM59ĐH	24.05.2000	100	Con TB 21%-60%	
15	80445	Trương Minh Vũ	ĐKT59ĐH	12.06.2000	50	Con người tai nạn lao động	
16	77399	Trần Thị Diễm	KTT59ĐH	29.03.2000	50	Con người tai nạn lao động	
17	77831	Nguyễn Thanh Hải	KTN59ĐH	01.06.2000	50	Con người mắc bệnh nghề nghiệp	
18	78518	Vũ Trung Kiên	VTT59ĐH	19.08.2000	50	Con người tai nạn lao động	
19	83253	Trương Thị Thanh Huệ	ATM60ĐH	25.07.2001	100	Con TB 21%-60%	
20	84429	Phạm Văn Phúc	CNT60ĐH	04.02.2001	100	Con TB 21%-60%	
21	83778	Ngô Phúc Lộc	ĐTV60ĐH	10.05.2001	100	Con người NCDHH L2	
22	84321	Bùi Thị Hồng Nhung	KTBS60ĐH	03.12.2001	100	Con TB 21%-60%	
23	84426	Nguyễn Xuân Phúc	KTBS60ĐH	06.09.2001	50	Con người mắc bệnh nghề nghiệp	
24	85243	Phạm Huyền Trang	KTN60ĐH	10.04.2001	100	Con người NCDHH L2	
25	83977	Đỗ Nhật Minh	KTO60ĐH	27.09.2001	50	Con người tai nạn lao động	
26	83802	Đỗ Ngọc Long	KTT60ĐH	04.01.2001	100	Con TB 21%-60%	
27	84461	Nguyễn Hoàng Phương	LHH60ĐH	25.07.2001	100	Con BB 21%-60%	
28	83366	Vũ Thu Hương	KTBS60ĐH	30.11.2001	50	Con người mắc bệnh nghề nghiệp	
29	82345	Trần Văn Bình	LQC60ĐH	31.03.2001	100	Con TB 21%-60%	
30	83775	Vũ Thị Thanh Loan	LQC60ĐH	22.05.2001	100	Con BB 61% trở lên	
31	85078	Nguyễn Thị Ngọc Thương	LQC60ĐH	18.05.2001	100	Con TB 21%-60%	
32	85622	Trịnh Văn Xuân	LQC60ĐH	24.01.2001	100	Con TB 21%-60%	
33	82059	Đỗ Hoàng Anh	LQC60ĐH	22.09.2001	100	Con TB 61% trở lên	
34	84924	Nguyễn Phương Thảo	QKT60ĐH	05.12.2001	100	Con TB 21%-60%	

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	Ngày sinh	MIỄN GIẢM(%)	TÊN ĐỐI TƯỢNG	GHI CHÚ
35	85246	Phạm Thị Quỳnh Trang	QKT60ĐH	07.03.2001	100	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
36	82439	Lê Mạnh Cường	TĐH60ĐH	26.06.2001	100	Con TB 21%-60%	
37	85586	Hoàng Phi Vũ	TTM60ĐH	29.11.2000	100	Con TB 21%-60%	
38	83285	Trần Huy Hùng	TĐH60ĐH	07.01.2001	50	Con người tai nạn lao động	
39	85712	Nguyễn Đình Ngọ	ĐKT61ĐH	13.01.2002	100	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
40	89825	Kiều Quốc Cường	ĐKT61ĐH	25.08.2002	100	Con TB 21%-60%	
41	86087	Phạm Văn Thiên	TTM61ĐH	02.12.2002	100	Con TB 21%-60%	
42	86452	Tô Khánh Diệp	KTN61ĐH	01.12.2002	100	Con TB 21%-60%	
43	86463	Lê Tiến Đạt	KTT61ĐH	30.11.2002	100	Con TB 21%-60%	Con nuôi
44	88949	Lê Thị Lan Hương	LQC61ĐH	06.01.2002	100	Con BB 21%-60%	
45	86340	Nguyễn Anh Sơn	KTB61ĐH	31.03.2002	100	Con người NCĐHH L2	
46	89201	Trần Anh Đức	KTB61ĐH	22.02.2002	100	Con TB 21%-60%	
47	87288	Nguyễn Thị Dung	KTN61ĐH	19.06.2002	100	Con TB 21%-60%	
48	88861	Nguyễn Hà Linh	QKT61ĐH	23.08.2002	100	Con TB 21%-60%	
49	89156	Lê Huệ Minh	KTN61ĐH	26.08.2002	100	Con BB 21%-60%	
50	89300	Nguyễn Thị Bích	NNA61ĐH	25.01.2002	70	DT Sán diu, Thôn ĐBK	
51	88681	Nguyễn Văn Thành Hưng	ATM61ĐH	16.08.2002	100	Con TB 21%-60%	
52	88261	Trương Hải Nam	ĐTĐ61ĐH	22.05.2002	50	Con người tai nạn lao động	
53	87470	Nguyễn Đình Chính	TĐH61ĐH	23.03.2002	100	Con TB 21%-60%	
54	85878	Phạm Quang Huy	CĐT61ĐH	27.10.2002	100	Con TB 21%-60%	
55	86136	Nguyễn Việt Cường	KTO61ĐH	25.08.2002	50	Con người tai nạn lao động	
56	89771	Hoàng Huy Thắng	MKT61ĐH	03.11.2002	100	Con TB 21%-60%	
57	86139	Nguyễn Đức Hiệp	ĐTĐ61ĐH	13.07.2002	100	Con TB 21%-60%	
58	86274	Phạm Tăng Trung Nam	KCK61ĐH	26.06.2002	100	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
59	89181	Bùi Đức Mạnh	KTO61ĐH	13.09.2002	100	Con TB 21%-60%	
60	89043	Hoàng Thị Phương Hoa	CNT61ĐH	20.10.2002	100	Con liệt sỹ	
61	88257	Lý Văn Tuấn	LQC61ĐH	01.02.2002	100	DT Dao, Hộ nghèo	
62	86590	Nguyễn Văn An	NNA61ĐH	23.01.2002	50	Con người tai nạn lao động	
63	88740	Hoàng Trọng Tuấn	KTT61ĐH	28.07.2021	50	Con người mắc bệnh nghề nghiệp	
	87926	Dương Hoài Nam	KTN61ĐH	07.04.2002	100	DT Tày, Hộ nghèo	
64	91525	Chu Thị Ngọc Hiếu	QKC62ĐH	20.07.2002	50	Con người tai nạn lao động	
65	92110	Nguyễn Thị Thuý Dương	KMT62ĐH	11.05.2003	100	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
66	92863	Trần Khánh Duy	TĐH62ĐH	22.12.2003	100	Con TB 21%-60%	
67	92113	Nguyễn Viết Hoàng	ĐTT62ĐH	20.05.2003	100	Con BB 61% trở lên	
68	91535	Nguyễn Đức Thắng	ĐTĐ62ĐH	14.01.2003	100	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	
69	93124	Đặng Thị Mai Hoa	QKD62ĐH	17.08.2003	100	Con người NCĐHH L2	
70	94683	Đoàn Đức Thành	ATM62ĐH	01.11.2002	100	Con liệt sỹ	
71	92513	Phạm Đình Phúc	TTM62ĐH	13.10.2003	100	Con người NCĐHH L2	
72	93369	Phạm Nhật Hà	TCH62ĐH	08.12.2003	100	Bản thân tàn tật, khuyết tật	
73	93243	Trương Thành Đạt	TĐH62ĐH	09.06.2003	100	Con TB 21%-60%	
74	93066	Đặng Khánh Duy	ĐTT62ĐH	30.11.2003	100	Con TB 21%-60%	
75	91569	Đoàn Quốc Giang	ĐTT62ĐH	12.11.2003	100	Con TB 21%-60%	
76	91544	Huỳnh Ngọc Hoàn	ĐTĐ62ĐH	05.10.2003	100	Con TB 21%-60%	
77	91637	Lưu Ngọc Minh	ĐTĐ62ĐH	02.06.2003	100	Con TB 21%-60%	

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	Ngày sinh	MIỄN GIẢM(%)	TÊN ĐỐI TƯỢNG	GHI CHÚ
78	91671	Trần Công Đức Thái Lai	CNT62ĐH	05.04.2003	100	Con TB 21%-60%	
79	91641	Nguyễn Sinh Công	TĐH62ĐH	27.11.2003	50	Con người mắc bệnh nghề nghiệp	
80	93436	Phạm Gia Long	LQC62ĐH	25.12.2003	100	Con BB 61% trở lên	
81	92373	Nguyễn Thị Hằng	KTB62ĐH	15.11.2003	100	Bản thân tàn tật, khuyết tật	
82	93098	Phạm Thị Ly	QKD62ĐH	26.02.2003	100	Con TB 21%-60%	
83	90240	Ngô Trọng Đạt	LQC62ĐH	27.04.2003	100	Con TB 21%-60%	
84	91664	Lê Xuân Bắc	ĐKT62ĐH	30.10.2002	70	DT Thổ, Thôn DBKK	
85	93220	Phạm Hải Đăng	TĐH62ĐH	24.11.2003	50	Con người tai nạn lao động	
86	92119	Vũ Công Khải	XDD62ĐH	15.04.2002	100	Bản thân tàn tật, khuyết tật	
87	93164	Trần Ngọc Khánh	NNA62ĐH	17.06.2003	100	Con TB 21%-60%	
88	91999	Tạ Công Thành	NNA62ĐH	29.01.2003	100	Con người NCĐHH L2	
89	90399	Phan Duy Hưng	KTO62ĐH	13.03.2003	100	Con TB 21%-60%	
90	92767	Nguyễn Minh Thư	KTN62ĐH	24.03.2003	100	Con TB 21%-60%	
91	92598	Nguyễn Huy Hải Thành	KPM62ĐH	27.10.2003	100	Con TB 21%-60%	
92	94085	Trần Bá Quốc Dũng	KPM62ĐH	08.07.2003	100	Bản thân tàn tật, khuyết tật	
93	93781	Đinh Vũ Hoàng Trang	KHD62ĐH	26.04.2003	100	Con TB 21%-60%	

Hải Phòng, Ngày 28/03/2022

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

Th.S Trương Công Mỹ



II. Sinh viên Đại học Viện Đào tạo chất lượng cao

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	Ngày sinh	MIỄN GIẢM(%)	TÊN ĐỐI TƯỢNG	GHI CHÚ
1	79711	Đoàn Văn Thái	CNT59CL	14.05.2000	100	Con BB 21%-60%	
2	77414	Phạm Khắc Duẩn	CNT59CL	09.07.2000	50	Con Tai nạn lao động	
3	78837	Phạm Hải Long	KTN59CL	14.03.2000	100	Con TB 21%-60%	
4	84172	Vũ Thị Kim Ngân	KTN60CL	24.09.2001	100	Con BB 21%-60%	
5	84232	Phạm Minh Ngọc	KTB60CL	02.08.2000	100	Con TB 61% trở lên	
6	86749	Trịnh Thị Bích Ngọc	KTB61CL	05.09.2002	100	Con TB 61% trở lên	
7	87485	Vũ Tuệ Nhi	ĐKT61CH	08.09.2002	100	Con mồ côi	
8	86818	Phạm Thị Thùy Dung	KTN61CL	15.04.2002	50	Con Tai nạn lao động	
9	94083	Trương Nhật Linh	ĐTĐ62CL	02.10.2002	100	Con TB 21%-60%	
10	93784	Tạ Phương Huyền	KTN62CL	07.05.2003	50	Con người tai nạn lao động	
11	91668	Thân Thị Thanh Thảo	KTB62CL	17.08.2003	50	Con người mắc bệnh nghề nghiệp	
12	94302	Bùi Thị Thùy Dương	KTB62CL	04.12.2003	100	Con TB 21%-60%	
13	94310	Vũ Hoàng Quý	KTB62CL	27.03.2003	100	Con TB 21%-60%	
14	94431	Nguyễn Lê Hoàng Diệu	KTB62CL	08.04.2003	100	Con TB 21%-60%	
15	91008	Mạc Thị Phương Nga	KTN62CL	13.6.2003	50	Con người tai nạn lao động	

Hải Phòng, Ngày 28/03/2022

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN



Th.S Trương Công Mỹ

NG
OC
HAI
AM

III. Sinh viên Viện Đào tạo Quốc tế

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	Ngày sinh	MIỄN GIẢM (%)	TÊN ĐỐI TƯỢNG	GHI CHÚ
1	79060	Nguyễn Thị Thúy Mơ	IBL59ĐH	23.10.2000	100	Con TB (21%-60%)	
2	79329	Phạm Thị Tuyết Nhung	BMM59ĐH	30.06.2000	100	CBB 61%	
3	82863	Bùi Thị Ngân Hà	BMM60ĐH	24.10.2001	50	Con người bị TNLĐ	
4	89692	Vũ Thu Thảo	IBL61ĐH	03.07.2002	50	Con người bị TNLĐ	
5	94160	Hoàng Thuý Linh	IBL62ĐH	26.07.2003	50	Con người mắc bệnh nghề nghiệp	

Hải Phòng, Ngày 28/03/2022

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN



Th.S Trương Công Mỹ

